

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần : Động vật có xương sống (Vertebrates)

- Mã số học phần : SP180

- Số tín chỉ học phần : 2 tín chỉ

- Số tiết học phần : 30 tiết lý thuyết, 60 tiết tự học

### 2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn : Sư phạm Sinh học

- Khoa: Sư phạm

### 3. Điều kiện tiên quyết: SP176

### 4. Mục tiêu của học phần:

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Đặc điểm chung của ngành Dây sống, những đặc điểm sinh học cơ bản của các lớp cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú.

4.1.2. Sự thích nghi giữa hình dạng, cấu tạo cơ thể và hoạt động sống ở từng nhóm lớp động vật có xương sống.

4.1.3. Hệ thống phân loại của động vật có xương sống và sự đa dạng, phong phú của chúng trong sinh giới.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Phân tích và tổng hợp kiến thức về cấu tạo giải phẫu từ đó khái quát hóa chiều hướng phát triển của các hệ cơ quan ở từng nhóm lớp động vật có xương sống.

4.2.2. Nhận diện và đánh giá về sự phong phú, đa dạng của các loài động vật có xương sống ở địa phương.

4.2.3. Giải thích một số hiện tượng tự nhiên liên quan đến đời sống động vật dựa trên nền tảng kiến thức về cấu tạo giải phẫu và đặc điểm sinh học của nhóm loài.

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Có sự yêu thích môn học và niềm say mê nghiên cứu động vật.

4.3.2. Có ý thức và hành vi bảo vệ động vật hoang dã.

### 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Ngành Dây sống (Chordata) bao gồm 3 phân ngành chính: Phân ngành sống đầu (Cephalochordata), phân ngành sống đuôi (Urochordata) và phân ngành Động vật có xương sống (Vertebrata). Trong phân ngành Động vật có xương sống, các nhóm động vật phân hóa từ thấp đến cao gồm cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú có sự biến

đôi hình dạng và cấu tạo các hệ cơ quan trong cơ thể để thích nghi với lối sống theo chiều hướng phát triển từ nước lên cạn.

## 6. Cấu trúc nội dung học phần:

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
<b>Chương 1.</b>	<b>Ngành Dây sống (Chordata)</b>		
1.1.	Phân ngành Sống đuôi (Urochordata)	1	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1
1.2.	Phân ngành Sống đầu (Cephalochordata)	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1
1.3.	Phân ngành Động vật có xương sống (Vertebrata)	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1
<b>Chương 2.</b>	<b>Lớp Cá</b>		
2.1.	Nhóm không hàm (Agnatha)- Cá miệng tròn	1	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1
2.2.	Nhóm có hàm (Gnathostomata)- Cá sụn	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1; 4.3.2
2.3.	Nhóm có hàm (Gnathostomata)- Cá xương	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1; 4.3.2
<b>Chương 3.</b>	<b>Lớp Lưỡng cư (Amphibia)</b>		
3.1.	Hình dạng, cấu tạo cơ thể	3	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1; 4.3.2
3.2.	Hệ thống phân loại	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1;
<b>Chương 4.</b>	<b>Lớp Bò sát (Reptilia)</b>		
4.1.	Hình dạng, cấu tạo cơ thể	3	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1; 4.3.2
4.2.	Hệ thống phân loại	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1;
<b>Chương 5.</b>	<b>Lớp Chim (Aves)</b>		
5.1.	Hình dạng, cấu tạo cơ thể	3	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1; 4.3.2
5.2.	Hệ thống phân loại	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1;
<b>Chương 6.</b>	<b>Lớp Thú (Mammalia)</b>		
6.1.	Hình dạng, cấu tạo cơ thể	3	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1; 4.3.2
6.2.	Hệ thống phân loại	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1;



## 7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình
- Hỏi đáp
- Thảo luận nhóm

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện bài tập theo nhóm.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%	4.3.1
2	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo. - Được nhóm xác nhận có tham gia	20%	4.2.2; 4.2.3; 4.3.2
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Trắc nghiệm//Tự luận/Bài tập	20%	4.1.1 đến 4.1.4; 4.2.1
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Trắc nghiệm - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.1.4; 4.2.1

### 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1. Bài giảng Động vật có xương sống/ Trần Ngọc Phương. - Cần Thơ: Trường Đại học Cần Thơ, 2000.- 596/Ph561	MOL.015181 MOL.015187
2. Động vật học có xương sống / Lê Vũ Khôi. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 596/ Kh452	TS. 004928 TS. 004912; TS.005086
3. Động vật học có xương sống / Trần Kiên (Chủ biên), Trần Hồng Việt. - Hà Nội : Đại học Sư Phạm, 2009. - 596/ K305	MON.038451

### 11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1-5	<b>Chương 1-2</b> Ngành dây sống Lớp cá	20		+ Tra cứu nội dung về các đặc điểm sinh học của Ngành dây sống và Cá.
5-8	<b>Chương 3-4</b> Lớp Lưỡng cư Lớp Bò sát	20		+ Tra cứu nội dung về các đặc điểm sinh học của Lưỡng cư và Bò sát.
10-12	<b>Chương 5: Lớp Chim</b>	10		+ Tra cứu nội dung về các đặc điểm sinh học của Chim
13-15	<b>Chương 6: Lớp Thú</b>	10		+ Tra cứu nội dung về các đặc điểm sinh học của Thú

  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
TRƯỜNG KHOA SINH HỌC  
TRƯỞNG KHOA  
Nguyễn Văn Nở

Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2014

TRƯỞNG BỘ MÔN



Võ Thị Thanh Phương